

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 15/6/2023, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 57/TTr-UBND về việc ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Báo cáo số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thẩm tra các dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 11 (giữa năm 2023), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X,

UBND tỉnh giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

1. Đề nghị bổ sung các căn cứ pháp lý:

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNN ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề nông thôn giai đoạn 2021-2030;

Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu và bổ sung 02 căn cứ pháp lý nêu trên vào phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết.

2. Đề nghị bỏ cụm từ “tối đa” trước các định mức hỗ trợ:

Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu, chỉnh sửa, bỏ cụm từ “tối đa” trước các định mức hỗ trợ.

3. Đề nghị phân tích thêm về cơ sở pháp lý xây dựng nội dung quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 2 dự thảo Nghị quyết. Vì theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và

Truyền thông thì “căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định địa điểm, quy mô nâng cấp phần phát thanh, truyền thanh của đài truyền thanh huyện và của trạm phát lại phát thanh, truyền hình trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc ưu tiên đối với khu vực hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người”:

Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu, căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 05/2022/TT-TTNT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện Nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và Nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; trong đó, tại Khoản 4, Điều 3 quy định: căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, **quyết định địa điểm, quy mô nâng cấp** phần phát thanh, truyền thanh của đài truyền thanh huyện và của trạm phát lại phát thanh, truyền hình ...”, còn nội dung thực hiện thì theo Điều 4 - Thực hiện nhiệm vụ thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã; Điều 5 - Thực hiện nhiệm vụ thiết lập mới trạm truyền thanh thôn và Điều 6 - Nội dung thực hiện, cơ cấu, yêu cầu về kỹ thuật thiết bị khi thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh huyện; trạm phát lại phát thanh, truyền hình; đài truyền thanh xã; trạm truyền thanh thôn.

4. Phân tích cơ sở pháp lý để xây dựng nội dung quy định tại khoản 4 Điều 2 của dự thảo nghị quyết. Đồng thời, cần thể hiện rõ được đối tượng được hỗ trợ là ai? cân nhắc đối với việc hỗ trợ tối đa 100%:

Ý kiến của UBND tỉnh: Căn cứ Chỉ thị số 1838/CT-BNN-BVTV ngày 28/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu; Chỉ thị số 8084/CT-BNN-TT ngày 30/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phát triển bền vững sản xuất cây sầu riêng, chanh leo. Trong đó, trách nhiệm của UBND tỉnh: Xây dựng, bổ sung các chỉ tiêu về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói vào Nghị quyết, chương trình, đề án kế hoạch hành động phát triển kinh tế xã hội của địa phương; bố trí nguồn lực thực hiện công tác thiết lập và quản lý vùng trồng,...; chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện công tác thiết lập và quản lý mã số vùng trồng...; chỉ đạo các cơ quan chức năng tại địa phương tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói tại địa phương, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; Khẩn trương rà soát, xây dựng hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói sầu riêng, chanh leo xuất khẩu phù hợp...

Từ thực tế triển khai, đến nay trên địa bàn tỉnh mới có 26 tổ chức, cá nhân được gắn mã số vùng trồng (các loại cây trồng, chuối, mít, sầu riêng, nhãn, bơ, khoảng hơn 2000 ha...), việc triển khai gắn mã số vùng trồng gặp những khó khăn như sau: thiết lập vùng trồng vùng trồng theo yêu cầu xuất khẩu còn rất yếu chưa đồng bộ trong tập thể; việc sử dụng bón phân, thuốc bảo vệ thực vật theo thói quen, tùy tiện chưa theo quy trình; việc ghi nhật ký đồng ruộng chưa đáp ứng yêu cầu về hồ sơ giấy và trên hệ thống phần mềm điện tử; xử lý môi trường rác thải bảo vệ thực vật và nhận diện dịch hại kiểm dịch thực vật mà nước nhập khẩu chưa quan tâm; Việc phân tích dư lượng độc chất trong sản phẩm trước vụ thu hoạch

chưa quan tâm, chấp hành quy định an toàn thực phẩm rất thấp và truy xuất nguồn gốc rất khó khăn... nếu tình trạng này kéo dài sẽ bị hủy mã số, ngưng xuất khẩu chính ngạch do không đáp ứng chất lượng sản phẩm, quản lý vùng trồng theo quy định của nhà nhập khẩu.

Đến nay, nội dung này còn là nội dung rất mới, tỉnh đang đẩy mạnh tái cơ cấu toàn diện ngành nông nghiệp. Nhiều cây trồng có giá trị kinh tế thấp phải thay bằng những cây có giá trị kinh tế cao như Sầu riêng, bưởi. Việc gắn mã vùng trồng để đáp ứng nhu cầu thi trường khi xuất khẩu chính ngạch theo tiêu chuẩn của các thị trường. Vì vậy, với các nội dung hỗ trợ như trên, UBND tỉnh đề xuất hỗ trợ 100% kinh phí cho các cá nhân, tổ chức thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Nội dung tại Khoản 5, Điều 2 về “chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp” chưa thể hiện được đối tượng hỗ trợ cụ thể. Đề nghị điều chỉnh nội dung để thể hiện rõ được đối tượng, nội dung hỗ trợ:

Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu, chỉnh sửa, đổi tượng hỗ trợ tại Khoản 5, Điều 2.

6. Nội dung quy định tại Khoản 6, Điều 2 chưa đảm theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNN ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời, nội dung chưa tương đồng với tiêu đề của mục “phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn”. Cần phân tích và làm rõ về số lượng làng nghề truyền thống ở nông thôn trên địa bàn tỉnh hiện nay, xác định rõ các nội dung cần hỗ trợ đối với các làng nghề theo quy định:

Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu, chỉnh sửa, nội dung hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNN ngày 25/7/2022.

7. Đối với nội dung quy định tại Khoản 7, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết: cần quy định rõ nội dung hỗ trợ đối với dự án, điểm, sản phẩm du lịch đã được công nhận hay chưa được công nhận; có đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch hay không?

Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung nội dung hỗ trợ Thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNN ngày 25/7/2022.

8. Đề nghị rà soát nội dung tại Khoản 8, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết để tránh trùng lặp đối với một số nội dung quy định tại Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; đồng thời, xây dựng mức chi phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương:

Ý kiến của UBND tỉnh: UBND tỉnh giải trình như sau: Nội dung tại Khoản 8, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung và mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Vì vậy 02 nội dung này không trùng nhau.

Trên đây là Báo cáo của UBND tỉnh về việc giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Kính gửi Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết đã chỉnh sửa, tiếp thu)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT, UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TP;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-921/6).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 1/2023/NQ-HĐND

DỰ THẢO

(chỉnh sửa, tiếp thu theo ý kiến
thẩm tra của HĐND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn
2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ ..., KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tưới, tiết kiệm nước;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề nông thôn giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các văn bản liên quan do các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ 10 triệu đồng/ha.

b) Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở;

- Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

2. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Chi mua sắm, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh xã

Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã 50 triệu đồng/xã; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến thôn 30 triệu đồng/thôn.

b) Hỗ trợ chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn

Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại.

4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng

Nội dung chi: Thiết lập vùng trồng, đánh giá và giám sát định kỳ, đột xuất, hướng dẫn ghi nhật ký, nhật ký điện tử; dụng cụ lấy mẫu vật dịch hại, phần mềm quản lý mã vùng trồng, phân tích dư lượng hóa chất, vi sinh vật trước khi đưa sản phẩm ra thị trường nội địa hoặc xuất khẩu; dịch thuật tài liệu báo cáo sang tiếng nước ngoài (nếu có); định danh mẫu vật dịch hại cho đối tượng kiểm dịch của nước nhập khẩu; tập huấn, tuyên truyền trong quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và (IPHM).

Hỗ trợ 100% kinh phí cho các cá nhân, tổ chức thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

Đối với trồng trọt và lâm nghiệp, gồm: Máy, thiết bị phục vụ các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới, tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

Đối với chăn nuôi và thủy sản, gồm: Máy, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi theo hình thức bán công nghiệp, công nghiệp; Hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, làm mát chuồng trại, sơ chế, chế biến thức ăn, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi và phân bón cho cây trồng.

b) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/01 trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp.

6. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

a) Nội dung hỗ trợ

- Rà soát, công nhận các làng nghề truyền thống: Thực hiện điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các làng nghề truyền thống chưa đáp ứng được tiêu chí công nhận để có kế hoạch thực hiện hỗ trợ bảo tồn và phát triển phù hợp. Đây nhanh tiến độ lập hồ sơ, xét công nhận các làng nghề truyền thống đã đáp ứng được tiêu chí theo quy định để thực hiện hỗ trợ theo chính sách.

- Khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền.

Đối với những làng nghề đang trong quá trình mai một và có khả năng mất đi: Hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn; tiến hành điều tra, xác định và xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghệ nhân hoạt động “trình diễn” nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục yêu cầu du lịch, văn hóa.

Đối với những làng nghề có khó khăn: Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ tay nghề cao và các cơ sở sản xuất duy trì sản xuất các sản phẩm

độc đáo phục vụ sinh hoạt, các lễ hội của cộng đồng và hướng tới sản xuất một số loại sản phẩm cao cấp, có giá trị kinh tế cao đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Thực hiện sưu tầm, thu thập, bảo tồn bí quyết, công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, các mẫu hoa văn truyền thống trên các sản phẩm và có hướng đổi mới, phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với sản xuất tại làng nghề.

Tổ chức đào tạo, truyền nghề, nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động, cải tiến thiết kế mẫu mã, nâng cao chất lượng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện cho các làng nghề được phục hồi và phát triển. Thành lập và duy trì hoạt động các tổ chức nghề nghiệp của làng nghề.

- Hỗ trợ để phát triển các làng nghề truyền thống đã được công nhận đang hoạt động tốt có khả năng lan tỏa sang các khu vực khác.

Phát triển mạnh các làng nghề truyền thống sản xuất những sản phẩm có giá trị kinh tế, hàm lượng văn hóa cao và có tiềm năng xuất lớn như chế biến nông lâm thủy sản, mây tre đan, gỗ sứ, thêu dệt, chạm khắc, sơn mài, kim hoàn... Khuyến khích sự lan tỏa, cây nghề truyền thống ra vùng xung quanh và đẩy mạnh hỗ trợ sáng tạo phát triển sản phẩm mới.

Đầu tư, hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào một số công đoạn sản xuất kết hợp với sử dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thống mà không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm. Nâng cấp, hoàn thiện các biện pháp và công trình xử lý môi trường.

Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất lớn có năng lực di chuyển vào khu, cụm công nghiệp để đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất phát triển sản phẩm; các cơ sở sản xuất nhỏ liên kết với các cơ sở lớn tiêu thụ sản phẩm ra thị trường. Thành lập và tổ chức hoạt động hiệu quả các tổ chức nghề nghiệp của làng nghề.

b) Mức hỗ trợ: 50% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương

a) Nội dung hỗ trợ

Thực hiện Theo Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

8. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Trung tâm Văn hóa tỉnh 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn, bản 30 triệu đồng/tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn

Hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã 50 triệu đồng/01 năm; Hỗ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn kinh phí tổ chức giải thể thao thôn 30 triệu đồng/01 năm.

9. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp

Hỗ trợ Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt 20 triệu đồng để tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu khác.

3. Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện chương trình.

4. Vốn huy động, đóng góp và đối ứng của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội

đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khoá, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Noi nhận:

- UBTƯ Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban và VP. Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH và Báo BP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH